



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
Email: gialai@chinhphu.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2197~~ /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phân loại đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 559/TTr-SNV ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Báo cáo số 165/BC-SNV ngày 26 tháng 6 năm 2026 về kết quả thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

- Đơn vị hành chính loại I: 83 đơn vị (gồm 24 phường và 59 xã).
- Đơn vị hành chính loại II: 51 đơn vị (gồm 01 phường và 50 xã).
- Đơn vị hành chính loại III: 01 đơn vị (gồm 01 xã).

(Danh sách và kết quả phân loại cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, việc xác định loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai được thực hiện theo kết quả phân loại được công nhận tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã phường;
- Lưu: VT, C7



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Anh Tuấn**



**Phụ lục**  
**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ**  
**PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**  
(Kèm theo Quyết định số ~~2497~~ /QĐ-UBND ngày 30/6/2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT | Tên đơn vị hành chính | Loại đơn vị hành chính |
|-----|-----------------------|------------------------|
| 1   | Phường An Bình        | I                      |
| 2   | Phường An Khê         | I                      |
| 3   | Phường An Nhơn        | I                      |
| 4   | Phường An Nhơn Bắc    | I                      |
| 5   | Phường An Nhơn Đông   | I                      |
| 6   | Phường An Nhơn Nam    | I                      |
| 7   | Phường An Phú         | I                      |
| 8   | Phường Ayun Pa        | II                     |
| 9   | Phường Bình Định      | I                      |
| 10  | Phường Bồng Sơn       | I                      |
| 11  | Phường Diên Hồng      | I                      |
| 12  | Phường Hoài Nhơn      | I                      |
| 13  | Phường Hoài Nhơn Bắc  | I                      |
| 14  | Phường Hoài Nhơn Đông | I                      |
| 15  | Phường Hoài Nhơn Nam  | I                      |
| 16  | Phường Hoài Nhơn Tây  | I                      |
| 17  | Phường Hội Phú        | I                      |
| 18  | Phường Pleiku         | I                      |
| 19  | Phường Quy Nhơn       | I                      |
| 20  | Phường Quy Nhơn Bắc   | I                      |
| 21  | Phường Quy Nhơn Đông  | I                      |
| 22  | Phường Quy Nhơn Nam   | I                      |
| 23  | Phường Quy Nhơn Tây   | I                      |
| 24  | Phường Tam Quan       | I                      |
| 25  | Phường Thống Nhất     | I                      |
| 26  | Xã Al Bá              | II                     |
| 27  | Xã Ân Hảo             | II                     |

| STT | Tên đơn vị hành chính | Loại đơn vị hành chính |
|-----|-----------------------|------------------------|
| 28  | Xã An Hòa             | II                     |
| 29  | Xã An Lão             | II                     |
| 30  | Xã An Lương           | II                     |
| 31  | Xã An Nhơn Tây        | II                     |
| 32  | Xã An Toàn            | II                     |
| 33  | Xã Ân Tường           | I                      |
| 34  | Xã An Vinh            | II                     |
| 35  | Xã Ayun               | II                     |
| 36  | Xã Bàu Cạn            | I                      |
| 37  | Xã Biên Hồ            | I                      |
| 38  | Xã Bình An            | II                     |
| 39  | Xã Bình Dương         | II                     |
| 40  | Xã Bình Hiệp          | II                     |
| 41  | Xã Bình Khê           | I                      |
| 42  | Xã Bình Phú           | I                      |
| 43  | Xã Bờ Ngoong          | I                      |
| 44  | Xã Canh Liên          | II                     |
| 45  | Xã Canh Vinh          | I                      |
| 46  | Xã Cát Tiến           | I                      |
| 47  | Xã Chợ Long           | II                     |
| 48  | Xã Chư A Thai         | I                      |
| 49  | Xã Chư Krey           | II                     |
| 50  | Xã Chư Păh            | II                     |
| 51  | Xã Chư Prông          | I                      |
| 52  | Xã Chư Puh            | I                      |
| 53  | Xã Chư Sê             | I                      |
| 54  | Xã Cửu An             | II                     |
| 55  | Xã Đak Đoa            | I                      |
| 56  | Xã Đak Pơ             | I                      |
| 57  | Xã Đak Rong           | II                     |
| 58  | Xã Đak Somei          | II                     |
| 59  | Xã Đăk Song           | II                     |
| 60  | Xã Đề Gi              | I                      |

| STT | Tên đơn vị hành chính | Loại đơn vị hành chính |
|-----|-----------------------|------------------------|
| 61  | Xã Đức Cơ             | I                      |
| 62  | Xã Gào                | I                      |
| 63  | Xã Hòa Hội            | II                     |
| 64  | Xã Hoài Ân            | I                      |
| 65  | Xã Hội Sơn            | I                      |
| 66  | Xã Hra                | II                     |
| 67  | Xã Ia Băng            | I                      |
| 68  | Xã Ia Boòng           | I                      |
| 69  | Xã Ia Chia            | I                      |
| 70  | Xã Ia Dơk             | II                     |
| 71  | Xã Ia Dom             | II                     |
| 72  | Xã Ia Dreh            | I                      |
| 73  | Xã Ia Grai            | I                      |
| 74  | Xã Ia Hiao            | II                     |
| 75  | Xã Ia Hrú             | I                      |
| 76  | Xã Ia Hrug            | I                      |
| 77  | Xã Ia Khuol           | I                      |
| 78  | Xã Ia Ko              | I                      |
| 79  | Xã Ia Krái            | I                      |
| 80  | Xã Ia Krêl            | I                      |
| 81  | Xã Ia Lâu             | I                      |
| 82  | Xã Ia Le              | I                      |
| 83  | Xã Ia Ly              | I                      |
| 84  | Xã Ia Mơ              | I                      |
| 85  | Xã Ia Nan             | II                     |
| 86  | Xã Ia O               | II                     |
| 87  | Xã Ia Pa              | I                      |
| 88  | Xã Ia Phí             | I                      |
| 89  | Xã Ia Pia             | I                      |
| 90  | Xã Ia Pnôn            | II                     |
| 91  | Xã Ia Púch            | I                      |
| 92  | Xã Ia Rbol            | II                     |
| 93  | Xã Ia Rsai            | I                      |

| STT | Tên đơn vị hành chính | Loại đơn vị hành chính |
|-----|-----------------------|------------------------|
| 94  | Xã Ia Sao             | II                     |
| 95  | Xã Ia Tôr             | II                     |
| 96  | Xã Ia Tul             | I                      |
| 97  | Xã Kbang              | I                      |
| 98  | Xã KDang              | I                      |
| 99  | Xã Kim Sơn            | I                      |
| 100 | Xã Kon Chiêng         | II                     |
| 101 | Xã Kon Gang           | I                      |
| 102 | Xã Kông Bơ La         | II                     |
| 103 | Xã Kông Chro          | I                      |
| 104 | Xã Krong              | II                     |
| 105 | Xã Lơ Pang            | I                      |
| 106 | Xã Mang Yang          | I                      |
| 107 | Xã Ngô Mây            | II                     |
| 108 | Xã Nhơn Châu          | II                     |
| 109 | Xã Phù Cát            | I                      |
| 110 | Xã Phù Mỹ             | II                     |
| 111 | Xã Phù Mỹ Bắc         | II                     |
| 112 | Xã Phù Mỹ Đông        | I                      |
| 113 | Xã Phù Mỹ Nam         | II                     |
| 114 | Xã Phù Mỹ Tây         | II                     |
| 115 | Xã Phú Thiện          | I                      |
| 116 | Xã Phú Túc            | I                      |
| 117 | Xã Pờ Tó              | II                     |
| 118 | Xã Sơn Lang           | II                     |
| 119 | Xã SRó                | II                     |
| 120 | Xã Tây Sơn            | I                      |
| 121 | Xã Tơ Tung            | II                     |
| 122 | Xã Tuy Phước          | I                      |
| 123 | Xã Tuy Phước Bắc      | I                      |
| 124 | Xã Tuy Phước Đông     | I                      |
| 125 | Xã Tuy Phước Tây      | I                      |
| 126 | Xã Uar                | I                      |

| STT | Tên đơn vị hành chính | Loại đơn vị hành chính |
|-----|-----------------------|------------------------|
| 127 | Xã Vân Canh           | I                      |
| 128 | Xã Vạn Đức            | II                     |
| 129 | Xã Vĩnh Quang         | III                    |
| 130 | Xã Vĩnh Sơn           | I                      |
| 131 | Xã Vĩnh Thạnh         | II                     |
| 132 | Xã Vĩnh Thịnh         | II                     |
| 133 | Xã Xuân An            | II                     |
| 134 | Xã Ya Hội             | II                     |
| 135 | Xã Ya Ma              | II                     |